

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Ban hành Quy định về kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng  
văn bản quy phạm pháp luật**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và  
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;  
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm  
ngày 18 tháng 6 năm 2020;  
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ  
trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh  
phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm  
pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật;  
Căn cứ Thông tư số 42/2022/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Bộ  
trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 338/2016/TT-  
BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự  
toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho  
công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp  
luật;  
Căn cứ Nghị quyết số 31/2022/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022  
của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác  
xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy  
ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;  
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 185/TTr-STP  
ngày 26 tháng 12 năm 2022.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về kinh phí bảo đảm  
cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm  
2023 và thay thế Quyết định số 43/2017/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2017

của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tư pháp; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan ngành dọc; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.//

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Chính phủ;
- Vụ pháp chế -BTC;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-BTP;
- Văn phòng Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Chánh - Phó Chánh VP. UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;

Lưu: YT, KTNS.

Đ (3 bản).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



**Võ Tấn Đức**



## QUY ĐỊNH

**Về kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật**

(Kèm theo Quyết định số 65/2022/QĐ-UBND  
ngày 11 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

### Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

##### 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định nội dung chi, mức chi, trách nhiệm lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách Nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, bao gồm các văn bản sau:

- a) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.
- b) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện, thành phố (sau đây gọi chung là cấp huyện), quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện.
- c) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã), quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã.

##### 2. Đối tượng áp dụng

- a) Các cơ quan, đơn vị, cá nhân theo chức năng, nhiệm vụ thực hiện công tác tham mưu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp.
- b) Các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan đến công tác lập dự toán, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí thực hiện công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

#### **Điều 2. Nguyên tắc quản lý và sử dụng kinh phí**

1. Kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp được thực hiện đối với các văn bản theo kế hoạch, chỉ đạo, chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.

2. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị sử dụng kinh phí phải thực hiện chi đúng nội dung, tiết kiệm và hiệu quả theo quy định.

#### **Điều 3. Nội dung chi cho các hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật**

Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 42/2022/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật, bao gồm các nội dung chi sau:

1. Tổng kết việc thi hành pháp luật hiện hành, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội; tập hợp, rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2. Điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan phục vụ quá trình nghiên cứu, lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự kiến chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

3. Dịch, hiệu đính tài liệu dịch, văn bản tiếng nước ngoài, tiếng dân tộc thiểu số sang tiếng Việt; dịch, hiệu đính tài liệu dịch, văn bản tiếng Việt sang tiếng nước ngoài, tiếng dân tộc thiểu số.

4. Lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

5. Tổ chức soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật.

6. Đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; đánh giá tác động của chính sách trong dự án; dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; xây dựng báo cáo lồng ghép vấn đề bình đẳng giới (nếu có quy định liên quan đến vấn đề bình đẳng giới); xây dựng bản đánh giá thủ tục hành chính (nếu có quy định thủ tục hành chính).

7. Tổ chức Hội đồng tư vấn thẩm định, Hội đồng thẩm định, Hội đồng thẩm tra; lấy ý kiến của các chuyên gia, nhà khoa học (trong trường hợp cần thiết).

8. Xây dựng báo cáo thẩm định, thẩm tra, báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định; văn bản góp ý.

9. Chính lý, hoàn thiện các loại đề cương, tờ trình, báo cáo, dự thảo văn bản.

10. Chi mua văn phòng phẩm, in ấn, sao chụp tài liệu phục vụ trực tiếp cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

## Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

### **Điều 4. Định mức chi cho các nội dung trong các hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật**

	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (đơn vị tính: Đồng)		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
<b>1</b>	<b>Chi soạn thảo đề cương chi tiết dự thảo văn bản</b>				

a	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân				
	Nghị quyết mới hoặc thay thế	Đề cương	1.500.000	1.400.000	1.300.000
	Nghị quyết sửa đổi, bổ sung	Đề cương	950.000	900.000	850.000
b	Quyết định của Ủy ban nhân dân				
	Quyết định mới hoặc thay thế	Đề cương	1.500.000	1.400.000	1.350.000
	Quyết định sửa đổi, bổ sung	Đề cương	950.000	900.000	850.000
2	<b>Chi soạn thảo văn bản</b>				
a	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân				
	Nghị quyết mới hoặc thay thế	Dự thảo văn bản	4.800.000	4.750.000	4.700.000
	Nghị quyết sửa đổi, bổ sung	Dự thảo văn bản	4.000.000	3.950.000	3.900.000
b	Quyết định của Ủy ban nhân dân				
	Quyết định mới hoặc thay thế	Dự thảo văn bản	4.800.000	4.750.000	4.700.000
	Quyết định sửa đổi, bổ sung	Dự thảo văn bản	4.000.000	3.950.000	3.900.000
3	<b>Chi soạn thảo các báo cáo phục vụ công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật</b>				
a	Tờ trình đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh	Tờ trình	3.000.000 đồng	0	0
b	Bản tổng hợp, báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý đối với đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân; dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân				
	Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý đối với văn bản ban hành mới, thay thế	Báo cáo	900.000	850.000	750.000
	Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý đối với văn bản sửa đổi, bổ sung một số điều	Báo cáo	600.000	550.000	450.000
	Báo cáo nhận xét, đánh giá của người phản biện, thành viên hội đồng thẩm định, báo cáo tham luận				
	Đối với đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân	Báo cáo	500.000	400.000	300.000

c	dân; dự thảo nghị quyết ban hành mới hoặc thay thế của Hội đồng nhân dân, quyết định ban hành mới hoặc thay thế của Ủy ban nhân dân				
	Đối với văn bản sửa đổi, bổ sung một số điều	Báo cáo	300.000	250.000	200.000
d	Báo cáo đánh giá tác động của chính sách: 8.000.000 đồng/báo cáo				
e	Báo cáo về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự thảo (nếu trong dự thảo có quy định liên quan đến vấn đề bình đẳng giới): 2.000.000 đồng/báo cáo				
g	Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật: 4.000.000 đồng/báo cáo				
<b>4</b>	<b>Soạn thảo văn bản góp ý; báo cáo thẩm định, thẩm tra văn bản của cơ quan thẩm định, thẩm tra</b>				
a	Văn bản góp ý: 350.000 đồng/văn bản				
b	Báo cáo thẩm định, báo cáo thẩm tra	Báo cáo	750.000 đồng	650.000 đồng	550.000 đồng
5	Chỉnh lý hoàn thiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân: 300.000 đồng/lần chỉnh lý				
6	<b>Chỉ cho cá nhân tham gia họp, hội thảo, tọa đàm, hội nghị phục vụ công tác xây dựng dự kiến chương trình, soạn thảo, đánh giá tác động góp ý thẩm định, thẩm tra văn bản; điều tra, khảo sát; theo dõi, đánh giá về tình hình thi hành pháp luật</b>				
	Chủ trì: 150.000 đồng/người/cuộc họp				
	Các thành viên tham dự: 100.000 đồng/người/cuộc họp				
	Ý kiến tham luận bằng văn bản của thành viên tham dự: 400.000 đồng/văn bản				

7. Trường hợp các nội dung chi, mức chi tại Điều này vượt định mức phân bổ tại Nghị quyết số 31/2022/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, căn cứ vào khả năng nguồn kinh phí, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì sắp xếp, bố trí một khoản kinh phí từ nguồn ngân sách chi thường xuyên đã được giao để hỗ trợ kịp thời cho việc thực hiện các hoạt động có liên quan trong quá trình xây dựng văn bản do cơ quan, đơn vị mình thực hiện.

#### **Điều 5. Các nội dung chi và mức chi khác**

1. Chi báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; chi báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật thực hiện theo quy định tại điểm g, điểm i Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách Nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 42/2022/TT-BTC).

2. Ngoài các nội dung chi và mức chi quy định tại Điều 4 Quy định này, các mức chi cho những nội dung khác thực hiện theo quy định tại Thông tư số 42/2022/TT-BTC.

### **Chương III**

## **LẬP DỰ TOÁN, QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ**

### **Điều 6. Nguồn kinh phí thực hiện**

1. Kinh phí thực hiện cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan, đơn vị thuộc cấp nào thì do ngân sách cấp đó tự bảo đảm và tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm của cơ quan, đơn vị.

2. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được ban hành ngoài kế hoạch dự kiến xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thì cơ quan chủ trì soạn thảo phải kịp thời thông báo đến cơ quan tư pháp, tài chính cùng cấp để tổng hợp bổ sung kinh phí thực hiện công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật cho đơn vị mình.

3. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật đã được dự toán kinh phí nhưng không thực hiện hoặc thực hiện không hết thì nguồn kinh phí này được sử dụng chi cho văn bản quy phạm pháp luật ban hành ngoài kế hoạch của đơn vị trong năm đó (nếu có). Trường hợp không có văn bản ban hành ngoài kế hoạch thì kinh phí đã được dự toán sẽ được hoàn trả lại theo quy định của pháp luật về ngân sách Nhà nước.

4. Trường hợp cuối năm văn bản quy phạm pháp luật chưa được cơ quan có thẩm quyền ban hành thì được chuyển kinh phí tương ứng sang sử dụng và quyết toán vào năm sau.

5. Trên cơ sở dự toán kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật được phê duyệt trong dự toán ngân sách hàng năm, cơ quan tài chính phân bổ nguồn kinh phí cho cơ quan lập dự toán.

### **Điều 7. Lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí**

1. Hàng năm, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm ước tính số lượng văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan, đơn vị mình tham mưu; lập dự toán kinh phí theo mức chi tại Chương II của Quy định này gửi cơ quan tài chính, cơ quan tư pháp cùng cấp thẩm định, phân bổ.

Riêng đối với cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm lập dự toán kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua.

## 2. Quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí

a) Việc quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách và kế toán.

b) Việc sử dụng kinh phí cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật phải đảm bảo đúng chứng từ, hợp lệ theo quy định.

c) Kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, thực chi nội dung nào thì hạch toán vào mục chi tương ứng của Mục lục ngân sách Nhà nước theo quy định hiện hành.

3. Việc lập dự toán và thanh, quyết toán liên quan đến công tác xây dựng, chỉnh lý và thẩm tra nghị quyết của các Ban thuộc Hội đồng nhân dân thì trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định hiện hành.

## **Điều 8. Hồ sơ thực hiện thanh quyết toán**

Việc thanh toán và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn.

1. Đối với kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện theo phương thức khoán trên sản phẩm hoàn thành, chứng từ thanh toán gồm:

a) Quyết định hoặc văn bản phê duyệt chương trình, kế hoạch xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của cấp có thẩm quyền (nếu có);

b) Tờ trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

c) Văn bản quy phạm pháp luật được cấp có thẩm quyền ban hành.

2. Đối với kinh phí cho công tác thẩm định đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện theo phương thức khoán trên sản phẩm hoàn thành, chứng từ thanh toán gồm:

a) Văn bản đề nghị thẩm định;

b) Văn bản phân công thẩm định hoặc ý kiến phê duyệt của người có thẩm quyền (nếu có);

c) Quyết định thành lập hội đồng thẩm định, hội đồng tư vấn thẩm định (nếu có);

d) Báo cáo thẩm định.

3. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền quyết định không ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã xây dựng xong hoặc dừng lại không xây dựng tiếp. Cơ quan, đơn vị chủ trì xây dựng văn bản được phép thanh, quyết toán phần kinh phí



đã thực hiện tương ứng với nội dung chi và mức chi tại Điều 4 Quy định này trên cơ sở chứng từ chi tiêu hợp pháp.

## **Chương IV** **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 9. Trách nhiệm thực hiện**

1. Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp huyện (Phòng Tài chính - Kế hoạch), Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm bố trí kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật do cấp mình thực hiện.

2. Sở Tư pháp có trách nhiệm tổng hợp, phối hợp với Sở Tài chính thẩm định và phân bổ dự toán kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật cho các cơ quan, đơn vị; phối hợp với Sở Tài chính có trách nhiệm kiểm tra việc quản lý và sử dụng kinh phí được cấp.

3. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm chủ trì tổng hợp, phối hợp cơ quan tài chính cùng cấp thẩm định dự toán kinh phí đảm bảo cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

4. Trách nhiệm của Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

a) Xây dựng kế hoạch tham mưu ban hành văn bản quy phạm pháp luật và dự toán kinh phí cho từng văn bản quy phạm pháp luật gửi cơ quan tài chính và cơ quan tư pháp cùng cấp.

b) Báo cáo kết quả về tình hình quản lý và sử dụng kinh phí cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về cơ quan tư pháp cùng cấp để đảm bảo cho hoạt động theo dõi tình hình quản lý, sử dụng kinh phí cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

c) Thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định.

### **Điều 10. Sửa đổi, bổ sung**

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.